

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 180/TTr-SNN ngày 30 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng Ban hành quy định về quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./- *m*

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (Vụ pháp chế);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Tích hợp dữ liệu và Chuyển đổi số tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, TL, MT, ĐC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Thái

Trần Hồng Thái



QUY ĐỊNH

Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Kèm theo Quyết định số 33 /2024/QĐ - UBND ngày 16/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Quy định này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại các Khu công nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Ủy ban nhân dân xã (không bao gồm phường, thị trấn).

4. Doanh nghiệp.

5. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn (bao gồm cả đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) gồm: công trình khai thác nước, công trình xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch và các công trình phụ trợ có liên quan.

2. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (sau đây gọi tắt là công trình) là một hệ thống gồm các công trình khai thác nước, công trình xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch và các công trình phụ trợ liên quan.

3. Công trình phụ trợ liên quan là các công trình hỗ trợ cho việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hệ thống cấp nước như: nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị, sân, đường, tường rào, trạm biến áp, các loại hố van, hộp đồng hồ, họng cứu hỏa, công trình có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn

1. Quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm bảo đảm duy trì hoạt động bền vững, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, hạch toán đầy đủ về hiện vật, giá trị công trình theo quy định.

3. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước và đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; đồng thời là cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời là đơn vị cấp nước trong trường hợp trực tiếp thực hiện toàn bộ công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn được bán, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác thì đơn vị trúng đấu giá là đơn vị cấp nước sạch.

Điều 6. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn

Các đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm lập phương án tổ chức quản lý, khai thác tài sản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm phê duyệt phương án tổ chức quản lý, khai thác trên cơ sở đề nghị của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và doanh nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án tổ chức quản lý, khai thác trên cơ sở đề nghị của đơn vị sự nghiệp cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã.

Điều 7. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn do đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và doanh nghiệp quản lý, khai thác;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn do đơn vị sự nghiệp cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã quản lý, khai thác.

2. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

3. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

4. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 8. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Thẩm quyền quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn do đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và doanh nghiệp quản lý, khai thác;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn do đơn vị sự nghiệp cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã quản lý, khai thác.

2. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

4. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 21 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 9. Giá nước sạch nông thôn và hỗ trợ giá nước

1. Giá nước sạch nông thôn thực hiện theo quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn Luật Giá và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Trường hợp giá bán nước sạch nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá thấp hơn phương án giá nước sạch nông thôn do đơn vị cấp nước lập, đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định thì hằng năm đơn vị cấp nước được cấp bù từ ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Mức hỗ trợ giá nước sạch nông thôn: Phần chênh lệch giữa giá bán nước sạch nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh định giá thấp hơn phương án giá nước sạch nông thôn do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định.

4. Điều kiện, quy trình xét cấp hỗ trợ:

a) Đơn vị cấp nước lập kế hoạch đề nghị cấp hỗ trợ cùng kỳ lập kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của địa phương (nơi có công trình) gửi Sở Tài chính thẩm định;

b) Sở Tài chính thẩm định, bố trí vào dự toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và quy định của pháp luật liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Thời gian hỗ trợ giá được thực hiện 02 lần trong năm:

- Lần 01: Cấp 70% kế hoạch hỗ trợ giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Quý III hàng năm.

- Lần 02: Cấp hết số còn lại sau khi đã thực hiện quyết toán theo quy định trong Quý I năm sau.

d) Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ giá: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính.

Điều 10. Miễn, giảm tiền sử dụng nước sạch

1. Đối tượng được giảm tiền sử dụng nước: Hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo theo quy định hiện hành.

2. Mức giảm tiền sử dụng nước:

a) Đối với hộ nghèo: Giảm 50% giá nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Đối với hộ cận nghèo: Giảm 30% giá nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh và phạm vi bảo vệ công trình

1. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh đối với công trình nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023, Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Phạm vi bảo vệ công trình:

a) Phạm vi bảo vệ công trình đầu mối hệ thống cấp nước tự chảy, trạm bơm nước mặt thực hiện theo quy định của Luật Thủy lợi năm 2017 và Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

b) Phạm vi bảo vệ công trình khai thác nước dưới đất, trạm xử lý nước, nhà quản lý vận hành là khu vực nằm trong phạm vi hàng rào bảo vệ công trình;

c) Phạm vi bảo vệ hệ thống đường ống quy định dọc theo tuyến được cấm móc tim tuyến và cách mỗi bên đường ống tối thiểu 0,5m.

Điều 12. Các hành vi bị cấm

Ngoài các hành vi bị cấm quy định tại Điều 8 Luật Tài nguyên nước năm 2023 và Điều 10 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, trong khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước, công trình khai thác nước dưới đất và khu vực khai thác nước còn cấm những hành vi sau đây:

1. Xây dựng các công trình khác (trừ các công trình phục vụ cho việc bảo vệ, khai thác nước).

2. Chăn nuôi súc vật, canh tác nông nghiệp có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hữu cơ.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật, xây dựng, bảo vệ, quản lý khai thác, sử dụng, phát triển các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh;

c) Kiểm tra tình hình hoạt động của các đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn, các đơn vị cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật quản lý vận hành, khai thác công trình cho tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác;

d) Thẩm định, phê duyệt Phương án tổ chức quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn của các đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn là đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định phương án giá nước sạch nông thôn theo quy định;

đ) Hằng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn của các đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn của ngân sách tỉnh hằng năm để thực hiện hỗ trợ giá nước sạch nông thôn; hướng dẫn các đơn vị thụ hưởng kinh phí từ ngân sách tỉnh liên quan đến hoạt động cấp nước sạch nông thôn thực hiện hỗ trợ giá nước và quyết toán theo đúng quy định hiện hành;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh hằng năm để thực hiện duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư trung hạn và kế hoạch hằng năm để triển khai các chương trình, dự án cấp nước sạch nông thôn theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Tài chính cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh hằng năm để thực hiện hỗ trợ giá nước sạch nông thôn theo quy định.

4. Trách nhiệm của Sở Y tế:

a) Chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng liên quan đến chất lượng nước cấp; tổ chức kiểm tra, giám sát tình trạng vệ sinh chung việc đáp ứng quy định chuẩn, tiêu chuẩn nước sạch cho mục đích sinh hoạt (ăn uống, vệ sinh) của các đơn vị cung cấp nước trên địa bàn nông thôn;

b) Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn, thông tư, quyết định của ngành y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo quy định hiện hành cho các đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát tình hình vệ sinh chung việc thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn nước sạch, chất lượng nước sạch theo quy định của Bộ Y tế; tổng hợp, đánh giá và báo cáo định kỳ (hàng quý, 6 tháng, năm) và đột xuất khi có yêu cầu.

5. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn các chủ công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước để cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thực hiện các thủ tục đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước, tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và các nội dung khác liên quan theo quy định của Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền.

6. Trách nhiệm của Sở Xây dựng: Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có phạm vi phục vụ cho cả khu vực đô thị và nông thôn, tài sản cấp nước sạch nông thôn có nguồn từ hệ thống cấp nước đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước quy định tại khoản 9, Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ; kiểm tra tình hình hoạt động, khai thác công trình của các đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn; cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn; thực hiện các biện pháp theo dõi, giám sát, bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn;

b) Phê duyệt phương án tổ chức quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn của các đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn là đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã theo quy định;

c) Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, nguồn vốn được phân cấp, bố trí hàng năm để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã:

a) Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả khi được cấp có thẩm quyền giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn;

b) Phối hợp với đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn để thực hiện việc quản lý, bảo vệ tài sản, bảo vệ công trình, bảo vệ nguồn nước;

c) Xử lý các trường hợp vi phạm về quản lý, khai thác, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật;

d) Vận động, tuyên truyền Nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ công trình và sử dụng nước tiết kiệm; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

9. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 6 Quy định này;

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan bảo đảm an toàn cho công trình cấp nước; chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo định kỳ và đột xuất khi được yêu cầu của chính quyền địa phương và cơ quan chuyên ngành;

c) Trong trường hợp ngừng cấp nước để bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ theo kế hoạch phải thông báo kịp thời để khách hàng chủ động trong việc sinh hoạt và sản xuất;

d) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và khai thác công trình, thực hiện báo cáo, hạch toán, khấu hao, bảo trì công trình theo đúng quy định của pháp luật;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định pháp luật liên quan.

10. Trách nhiệm của các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trong sinh hoạt, kinh doanh:

Khách hàng sử dụng nước phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ: Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước; sử dụng nước tiết kiệm; thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản. Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ nước; bảo đảm các trang thiết bị sử dụng nước đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đơn vị cấp nước.

11. Các sở, ngành khác liên quan: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao chủ động nghiên cứu, triển khai thực hiện các nội dung liên quan theo quy định.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./- 